

PHÁP LUẬT VỀ TÍN DỤNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI TẠI VIỆT NAM VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

● **TĂNG NỮ TIỂU TRANG¹ - NGUYỄN THỊ NGUYỆT¹**

¹Giảng viên Khoa Lý luận chính trị - Luật, Trường Đại học Hồng Đức

TÓM TẮT:

Tín dụng chính sách xã hội là một công cụ tài chính quan trọng góp phần tạo điều kiện cho những người nghèo, hộ nghèo, hộ chính sách xã hội tạo sinh kế, việc làm, ổn định đời sống, giảm nghèo thực chất; giúp giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo mới; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận được các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia. Bài viết tập trung phân tích khung pháp lý điều chỉnh tín dụng chính sách xã hội, từ đó đề xuất các định hướng hoàn thiện pháp luật tín dụng chính sách đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

Từ khóa: tín dụng, chính sách xã hội, phát triển đất nước, giai đoạn mới.

1. Đặt vấn đề

Theo Quyết định số 1560/QĐ-TTg ban hành Kế hoạch triển khai Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 30/10/2024 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về nâng cao hiệu quả của tín dụng chính sách xã hội trong giai đoạn mới nhằm cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 39-CT/TW của Ban Bí thư về nâng cao hiệu quả tín dụng chính sách xã hội trong giai đoạn mới; xác định một trong những nhiệm vụ quan trọng mà kế hoạch đề ra là hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách tín dụng chính sách xã hội theo hướng bao trùm, bền vững. Các bộ, ngành thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo thẩm quyền đối với hoạt động tín dụng chính sách xã hội, trong đó

ngiên cứu triển khai các giải pháp hoàn thiện cơ chế, chính sách tín dụng chính sách xã hội đối với người nghèo và các đối tượng chính sách.

Yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới đặt ra những tiêu chuẩn mới, từ đó việc phân tích, bổ sung cơ sở lý luận giúp đảm bảo rằng khung pháp luật về tín dụng chính sách xã hội vừa đáp ứng mục tiêu an sinh xã hội, vừa thích ứng linh hoạt với biến động kinh tế - tài chính. Việc làm rõ các khía cạnh lý luận, từ khái niệm, bản chất, vai trò đến các yêu cầu đặt ra đối với tín dụng chính sách xã hội, không chỉ góp phần hệ thống hóa nền tảng khoa học của lĩnh vực này mà còn cung cấp luận cứ quan trọng cho quá trình hoàn thiện pháp luật.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái quát về tín dụng chính sách xã hội và pháp luật tín dụng chính sách xã hội

2.1.1. Khái quát về tín dụng chính sách xã hội

Tín dụng chính sách xã hội: Là hoạt động cấp tín dụng ưu đãi của Nhà nước cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác để phục vụ sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm, cải thiện đời sống, góp phần thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và đảm bảo an sinh xã hội. Đây là công cụ tài chính sáng tạo, có tính nhân văn sâu sắc, góp phần quan trọng thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách, các mục tiêu, nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước đề ra.

Tín dụng chính sách xã hội có những đặc trưng như: không vì mục tiêu lợi nhuận; do Nhà nước định hướng về mục tiêu, đối tượng, điều kiện vay, mức lãi suất ưu đãi so với các khoản vay trên thị trường, cụ thể như sau:

Thứ nhất, về mục tiêu hoạt động của tín dụng chính sách xã hội

Tín dụng chính sách xã hội với nhiệm vụ chính là phục vụ chính sách công mà không vì mục tiêu lợi nhuận; là công cụ, giải pháp quan trọng của Đảng và Nhà nước trong thực hiện 3 chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Mức lãi suất cho vay của tín dụng chính sách xã hội do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo từng thời kỳ, đối tượng được tín dụng chính sách xã hội hướng đến là hộ nghèo, các đối tượng chính sách gặp khó khăn, thiếu thốn trong cuộc sống, không đủ điều kiện để vay vốn từ các Ngân hàng Thương mại - mục tiêu chính là lợi nhuận, đối tượng cấp tín dụng hướng tới là các cá nhân, pháp nhân trong và ngoài nước có nhu cầu và đáp ứng được điều kiện cấp tín dụng của các ngân hàng thương mại.

Thứ hai, về nguồn vốn của tín dụng chính sách xã hội

Nguồn vốn của tín dụng chính sách xã hội chủ yếu đến từ ngân sách nhà nước (nguồn vốn Trung ương

và địa phương), vốn huy động (bao gồm cả tiền gửi của các tổ chức tín dụng nhà nước), vốn ODA và các nguồn vốn vay khác. Ngoài ra, còn có vốn đóng góp tự nguyện và nguồn vốn nhận ủy thác từ chính quyền địa phương, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

Thứ ba, về vai trò của tín dụng chính sách xã hội

Tín dụng chính sách xã hội có ý nghĩa lớn trong yêu cầu phát triển bền vững của quốc gia cụ thể: Công cụ, giải pháp quan trọng của Đảng, Nhà nước thực hiện giảm nghèo bền vững; Giúp người nghèo, các đối tượng chính sách tiếp cận được tài chính phù hợp, tin cậy, tránh được “tín dụng đen”; Giúp người nghèo tiếp cận được tài chính cho việc nâng cao sức sản xuất, tạo sinh kế phát triển bền vững; Bảo đảm an sinh xã hội, trên cơ sở đó giữ vững định hướng XHCN trong phát triển kinh tế thị trường; Bảo đảm ổn định chính trị - xã hội, trên cơ sở đó giữ vững định hướng XHCN trong phát triển đất nước.

2.1.2. Khái quát pháp luật về tín dụng chính sách xã hội

Khái niệm pháp luật về tín dụng chính sách xã hội: là tổng thể các quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc thừa nhận nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động tín dụng chính sách xã hội mang mục đích vào vệ quyền lợi của các chủ thể tham gia vào quan hệ đồng thời giúp cho các quan hệ phát triển ổn định, lành mạnh, an toàn, hiệu quả, góp phần thực hiện mục tiêu quốc gia về giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội.

Pháp luật về tín dụng chính sách xã hội mang những đặc trưng cơ bản sau: (i) Chủ thể của pháp luật về tín dụng chính sách xã hội gồm bên cấp tín dụng là Ngân hàng Chính sách Xã hội và bên tiếp nhận là người nghèo và các đối tượng chính sách khác theo quy định pháp luật. (ii) Pháp luật về tín dụng chính sách xã hội có những quy định đặc thù, ưu đãi dành riêng cho hoạt động tín dụng chính sách xã hội. (iii) Pháp luật về tín dụng chính sách xã hội mang tính nhân văn, xã hội sâu sắc. (iv) Pháp luật về tín dụng chính sách xã hội có tính ổn định lâu dài, được xây dựng trên cơ sở các chính sách phát triển quốc gia bền vững và chiến lược xóa đói giảm nghèo.

2.2. Đánh giá thực trạng quy định pháp luật và thực hiện pháp luật về tín dụng chính sách xã hội tại nước ta hiện nay

2.2.1. Những thành tựu đạt được

Hiện nay, các chương trình tín dụng chính sách xã hội tiếp tục đáp ứng các nhu cầu vay vốn của các đối tượng khó khăn và chính sách xã hội. Các chương trình được tổ chức thực hiện có hiệu quả, đặc biệt tập trung ưu tiên đối với các đối tượng cùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn,... Tín dụng chính sách xã hội tạo ra những thay đổi tích cực đối với bức tranh an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo ở nước ta hiện nay. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, tín dụng chính sách xã hội góp phần thực hiện hiệu quả các chương trình Mục tiêu quốc gia. (Biểu đồ 1)

Tính đến ngày 31/12/2024, tổng doanh số cho vay đạt 119.507 tỷ đồng, với hơn 2,3 triệu lượt hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác được vay vốn; tổng dư nợ tín dụng chính sách đạt 367.631 tỷ đồng, tăng 35.708 tỷ đồng (+10,8%) so với năm 2023 với gần 6,8 triệu khách hàng còn dư nợ (Ngân hàng Chính sách Xã hội - 2024).

Vốn tín dụng chính sách xã hội đã làm thay đổi căn bản nhận thức của đồng bào dân tộc thiểu số, bà

con đã mạnh dạn vay vốn làm ăn có hiệu quả, nâng cao chất lượng cuộc sống, nâng cao trình độ sản xuất - kinh doanh, trình độ quản lý vốn vươn lên thoát nghèo, làm giàu trên chính quê hương mình.

Đến ngày 31/12/2024, tổng nguồn vốn tín dụng chính sách đạt 376.247 tỷ đồng, tăng 29.823 tỷ đồng so với năm 2023.

Tín dụng chính sách xã hội góp phần quan trọng trong chương trình giảm nghèo bền vững, góp phần tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, cải thiện đời sống tăng thu nhập của người dân, đặc biệt trên địa bàn nghèo, tạo điều kiện cho người nghèo, hộ nghèo tiếp cận thuận lợi các dịch vụ xã hội cơ bản.

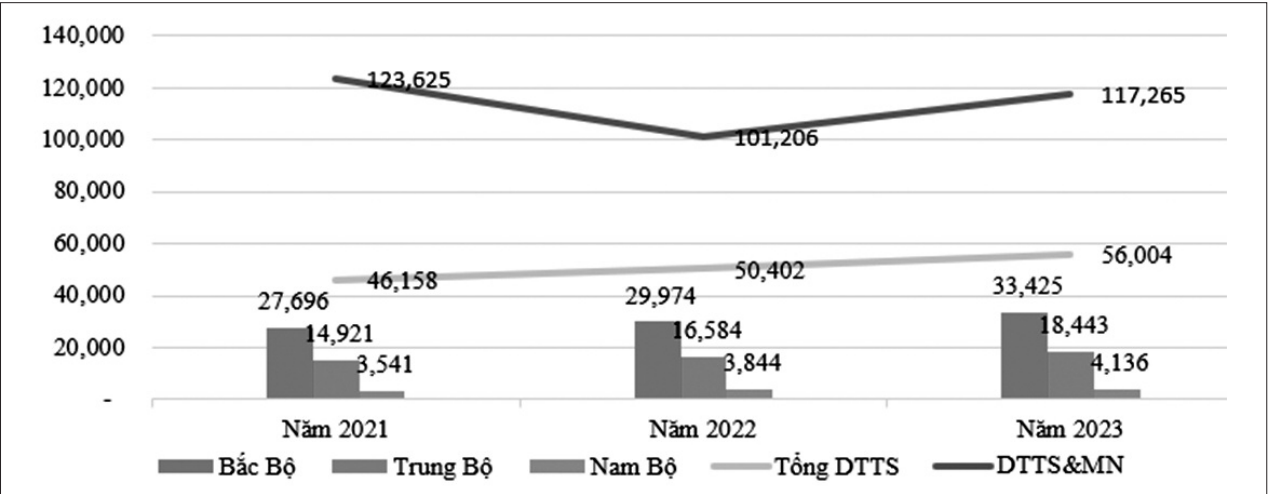
Thứ hai, chất lượng tín dụng chính sách xã hội luôn được đảm bảo và nâng cao hiệu quả

Với mô hình tổ chức, phương thức quản lý tín dụng đặc thù có sự tham gia của cả hệ thống chính trị, việc triển khai kiên trì, đồng bộ các giải pháp nêu trên đã góp phần duy trì, củng cố, nâng cao chất lượng tín dụng chính sách xã hội. Tỷ lệ nợ quá hạn, nợ khoanh giảm từ 13,75%/tổng dư nợ (khi nhận bàn giao) xuống còn 0,67%/tổng dư nợ, trong đó nợ quá hạn chiếm 0,26%/tổng dư nợ (thời điểm ngày 30/11/2022).

Kết quả trên đến từ việc triển khai nhanh chóng các chính sách tín dụng đến người nghèo và các đối

Biểu đồ 1. Kết quả cho vay tại vùng đồng bào DTTS giai đoạn 2021-2023

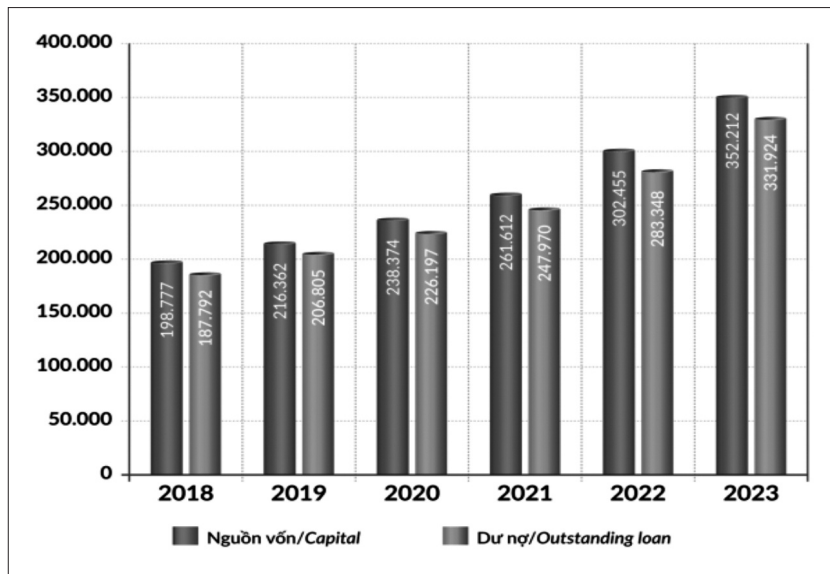
Đơn vị: Tỷ đồng



Nguồn: Ngân hàng Chính sách Xã hội

Biểu đồ 2: Tăng trưởng nguồn vốn và dư nợ giai đoạn 2015 - 2023

Đơn vị: Tỷ đồng



Nguồn: Ngân hàng Chính sách Xã hội 2024

tượng chính sách khác, cùng với sự phối hợp giữa ngân hàng chính sách xã hội và cấp ủy, chính quyền các cấp, tổ chức chính trị xã hội nhận ủy thác,... quyết liệt thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, nhằm không ngừng củng cố, nâng cao chất lượng tín dụng, đảm bảo mục tiêu bảo toàn, phát triển vốn cho Nhà nước.

2.2.2. Một số hạn chế còn tồn tại

Thứ nhất, các quy định pháp lý còn phân tán, thiếu tính hệ thống và có sự tham gia của nhiều chủ thể, bộ ngành liên quan.

Các quy định pháp lý về tín dụng chính sách xã hội có sự đan xen giữa pháp luật tài chính, tín dụng, ngân sách, lao động - xã hội đồng thời đối với chính sách tín dụng chính sách xã hội có sự tham gia của nhiều bên liên quan nhưng cơ chế điều phối hoạt động còn chưa chặt chẽ cụ thể: (i) Quốc hội, Chính phủ - Ban hành chủ trương, mục tiêu, chính sách tín dụng xã hội trong từng giai đoạn; (ii) Bộ Tài chính - Cân đối ngân sách, bố trí vốn cấp bù lãi suất, vốn điều lệ; (iii) Ngân hàng Nhà nước - điều phối chính sách tín dụng trong tổng thể hệ thống tài chính - ngân hàng; (iv) Tổ chức chính trị - xã hội - Phối hợp và triển khai hoạt động.

Thứ hai, một số chương trình tín dụng chính sách xã hội có thời hạn vay dài nhưng mức cho vay chưa phù hợp.

Ví dụ chương trình tín dụng nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn theo Quyết định số 10/2024/QĐ-TTg về tín dụng thực hiện cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn ngày 15/7/2024 có mức cho vay tối đa là 25 triệu đồng/công trình/khách hàng trong khi thời hạn cho vay tối đa là 60 tháng là chưa phù hợp do giá cả nguyên vật liệu, nhân công ngày càng cao nên mức vay chưa đáp ứng điều kiện cần thiết để hộ dân xây dựng công trình đảm bảo quy mô, chất lượng.

Thứ ba, khó khăn trong tiếp cận vốn đối với nhóm yếu thế, đặc biệt là phụ nữ và người nghèo không có tài sản đảm bảo.

Nhóm đối tượng yếu thế là người nghèo không có tài sản bảo đảm và phụ nữ đặc biệt phụ nữ các dân tộc thiểu số có nhiều hạn chế trong quá trình tiếp cận nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội do: (i) không có tài sản bảo đảm để thế chấp, mặc dù Ngân hàng Chính sách xã hội đã có những chương trình tín dụng ưu đãi, sản phẩm vay không tài sản bảo đảm nhưng vấn đề về tài sản vẫn là một rào cản lớn đối với nhóm đối tượng này; (ii) khả năng tiếp cận thông tin về khoản vay và khả năng quản lý tài chính còn kém, dẫn tới mất khả năng thanh toán nợ.

2.3. Một số kiến nghị, đề xuất hoàn thiện pháp luật về tín dụng chính sách xã hội đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới

Trải qua hơn 20 năm xây dựng và phát triển, pháp luật về tín dụng chính sách xã hội đã dần hoàn thiện và đạt được những thành tích nhất định nhưng những hạn chế còn tồn tại dẫn tới hiệu quả thực hiện pháp luật về tín dụng chính sách xã hội còn chưa cao. Do đó, việc tiếp tục cải cách, hoàn thiện pháp luật về tín dụng chính sách xã hội trong giai đoạn mới là một

yêu cầu cấp thiết. Một số giải pháp mà nhóm tác giả đưa ra như sau:

Thứ nhất, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý đảm bảo tính tập trung của các quy định pháp luật liên quan đến tín dụng chính sách xã hội

Tập trung các điều khoản quy định về tín dụng chính sách xã hội đặc biệt là các quy định về nguồn vốn về các chủ thể liên quan trong quá trình triển khai tín dụng chính sách xã hội tại một văn bản đặc thù như Luật Các tổ chức tín dụng nhằm hướng tới cơ chế điều phối, điều tiết hoạt động mang tính hiệu quả, chặt chẽ.

Thứ hai, thiết kế các sản phẩm phù hợp và hiệu quả hơn với đặc điểm của nhóm đối tượng mục tiêu

Nhằm đảm bảo các sản phẩm tín dụng chính sách xã hội phù hợp với điều kiện của nhóm đối tượng cấp tín dụng cần rà soát, xác định chính xác các đối tượng, lĩnh vực, thống nhất làm cơ sở xây dựng điều chỉnh chính sách tín dụng, bảo đảm phù hợp với nội dung chính sách, đặc điểm kinh tế - xã hội, văn hóa của từng địa phương.

Thứ ba, nâng cao khả năng tiếp cận thị trường của tín dụng chính sách xã hội và khả năng tiếp nhận nguồn vốn của các nhóm đối tượng yếu thế.

Các tổ chức cũng ứng sản phẩm tín dụng chính sách xã hội cần đưa các tiêu chuẩn quản lý cấp tín dụng giống như ngân hàng thương mại như đánh giá rủi ro, đánh giá hiệu quả thực hiện thu hồi vốn vay, minh bạch thông tin nhằm tăng tính hiệu quả giảm sự phụ thuộc vào ngân sách nhà nước.

3. Kết luận

Trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, Việt Nam luôn ưu tiên phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa song song với đảm bảo an sinh xã hội, duy trì một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh cho người dân. Sự ra đời của tín dụng chính sách xã hội và các văn bản pháp luật liên quan đã tạo nên một loại hình tín dụng đặc thù dành cho các đối tượng yếu thế trong xã hội - là một loại hình tín dụng có ý nghĩa to lớn đối với công tác đảm bảo an sinh xã hội đất nước cũng như tác động đến kinh tế - xã hội ■

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN VÀ THAM KHẢO:

Quốc hội (2010), Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 46/2010/QH12.

Quốc hội (2024), Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; Quốc hội (2025), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 96/2025/QH15.

Chính phủ (2002), Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 về Tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

Thủ tướng Chính phủ (2022), Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Thủ tướng Chính phủ (2022), Quyết định số 131/2002/QĐ-TTg ngày 04/10/2002 về việc Thành lập Ngân hàng Chính sách xã hội.

Thủ tướng Chính phủ (2013), Quyết định số 15/2013/QĐ-TTg ngày 23/02/2013 về Tín dụng đối với hộ cận nghèo.

Thủ tướng Chính phủ (2015), Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg ngày 21/07/2015 về Tín dụng đối với hộ mới thoát nghèo; được sửa đổi bởi Quyết định số 02/2021/QĐ-TTg ngày 21/01/2021.

Thủ tướng Chính phủ (2024), Quyết định số 10/2024/QĐ-TTg ngày 15/7/2024 Về tín dụng thực hiện cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

Ngân hàng Chính sách xã hội (2024), Vai trò của tín dụng chính sách xã hội trong thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030. Truy cập tại <https://vbsp.org.vn/vai-tro-cua-tin-dung-chinh-sach-xa-hoi-trong-thuc-hien-chuong-trinh-muc-tieu-quoc-gia-phat-trien-kinh-te-xa-hoi-vung-dong-bao-dan-toc-thieu-so-va-mien-nui-giai-doan-2021-2030.html>

Việt Hải (2025), Năm 2024: Nỗ lực vượt khó, Ngân hàng Chính sách xã hội đạt nhiều thành tựu nổi bật, truy cập tại: <https://baochinhphu.vn/nam-2024-no-luc-vuot-kho-nhcsxh-dat-nhieu-thanh-tuu-noi-bat-102250106082530972.htm>

Ngân hàng Chính sách xã hội (2024), Báo cáo thường niên năm 2023, truy cập tại: https://vbsp.org.vn/wp-content/uploads/2024/12/Z_BCTN-NHCSXH-2023_dang-website.pdf

Ngân hàng Chính sách xã hội (2023), Hội nghị tổng kết 20 năm thực hiện Nghị định số 78 của Chính phủ về tín dụng chính sách, truy cập tại: <https://vbsp.org.vn/hoi-nghi-tong-ket-20-nam-thuc-hien-nghi-dinh-so-78-cua-chinh-phu-ve-tin-dung-chinh-sach.html>

Ngày nhận bài: 15/01/2026

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 10/02/2026

Ngày chấp nhận đăng bài: 24/02/2026

LEGAL FRAMEWORK FOR SOCIAL POLICY CREDIT IN VIETNAM AND REFORM DIRECTIONS FOR MEETING EMERGING NATIONAL DEVELOPMENT PRIORITIES IN THE NEW DEVELOPMENT ERA

● **TANG NU TIEU TRANG¹**

● **NGUYEN THI NGUYET¹**

¹Lecturer, Faculty of Political Theory - Law, Hong Duc University

ABSTRACT:

Social policy credit constitutes a vital financial instrument for promoting livelihoods, employment, and stable living conditions among the poor, near-poor households, and other policy beneficiaries, thereby contributing to effective poverty reduction. It plays a significant role in alleviating multidimensional poverty in an inclusive and sustainable manner, mitigating the risk of poverty recurrence and the emergence of new forms of deprivation, while enabling vulnerable groups to attain minimum living standards and access essential social services in line with the national multidimensional poverty framework. This study examines the legal framework governing social policy credit, highlighting its role and evolution within Vietnam's poverty reduction strategy in the context of contemporary development challenges.

Keywords: credit, social policy, national development, new development era.